TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh Phúc**

Bản án số: 08/2023/HS-ST
Ngày 20 - 4 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hải

Ông Bùi Đức Hảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên toà: Ông Ngô Anh Duy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Trần Tuấn H1, sinh ngày 01 tháng 4 năm 1987; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã Kh, huyện V, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Gi, sinh năm:1962 và bà Nguyễn Thị H3, sinh năm: 1966; có vợ là bà Nguyễn Thị Ng1, sinh năm 1986 và có 02 người con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2019); Tiền án: Không, tiền sự: Không; Về nhân thân: Chưa có ghi nhận về các vi phạm khác; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/9/2022 đến ngày 09/3/2023, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Tuấn H1: Ông Nguyễn Phát Thành - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Long An.

2. Nguyễn Văn Ph1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1974; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã Kh, huyện V, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Th1, sinh năm: 1940 và bà Huỳnh Thị Nh1, sinh năm: 1945; có vợ là bà Nguyễn Thị H2,

sinh năm 1978 và có 03 người con (con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2004; Tiền án: Không, tiền sự: Không; Về nhân thân: Chưa có ghi nhận về các vi phạm khác; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ 21/9/2022 đến ngày 09/3/2023, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã Kh, huyện V, tỉnh Long An

2. Bà Nguyễn Thị Ng1, sinh năm 1986 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã Kh, huyện V, tỉnh Long An

3. Ông Nguyễn Hữu Tr1, sinh năm 1960 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã Kh, huyện V, tỉnh Long An.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Vũ Nhân Th2, sinh năm 1988 (vắng mặt)

2. Ông Lê Khả V1, sinh năm 2004 (vắng mặt)

3. Ông Ngô Thanh Nh2, sinh năm 2004 (vắng mặt)

4. Em Thào Seo V2, sinh ngày 29/10/2006 (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp cho Thào Seo V2 là ông Thào Seo Tr2, sinh năm 1988 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Cáo trạng số 20/CT-VKSLA-P2 ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đã truy tố các bị cáo Trần Tuấn H1 và Nguyễn Văn Ph1 về tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép" theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự, với hành vi được tóm tắt như sau:

Vào lúc 16 giờ 10 phút ngày 24/6/2022, Đồn Biên phòng Bến Phố nhận được nguồn tin có nhóm người đang di chuyển bằng xe ô tô xuống địa bàn khu vực Trạm Tà Nu để xuất cảnh trái phép sang Campuchia. Đồn biên phòng Bến Phố phối hợp với Đội đặc nhiệm Phòng chống ma tuý và tội phạm Bộ đội Biên phòng tỉnh Long An và Công an, Quân sự xã Khánh Hưng, huyện Vĩnh Hưng mật phục đón lỏng để bắt các đối tượng trên. Đến 18 giờ 30 phút cùng ngày, lực lượng chức năng phát hiện 04 đối tượng ở nhà Nguyễn Văn Ph1 thuộc ấp T, xã Kh, huyện V, tỉnh Long An, được Ph1 dẫn trốn ở vườn mít cách nhà Ph1 khoảng 200 mét. Các đối tượng gồm: Nguyễn Vũ Nhân Th2; Lê Khả V1, sinh năm: 2004; Ngô Thanh Nh2, sinh năm: 2004; Thào Seo V2, sinh năm: 2006.

Tiến Hhành xác minh, điều tra vụ án, bị cáo H1 và Ph1 khai nhận các đối tượng trên đang chờ H1 và Ph1 đưa xuất cảnh trái phép sang Campuchia và tự

thú thêm các lần phạm tội trước đó, cụ thể: Vì động cơ vụ lợi, khoảng cuối tháng 5 năm 2022, bị cáo H1 đã cung cấp 02 số điện thoại là 0818493887 và 0784601195 cho một người nam (không rõ lai lịch) sử dụng số điện thoại 0708706672 để người nam này thuê chở người xuất cảnh trái phép sang Campuchia, đoạn từ ấp T, xã Kh đến đường tuần tra biên giới cách nhà H1 01km với tiền công 500.000đồng/người. Sau đó, H1 rủ Nguyễn Văn Ph1 cùng đi, H1 hứa trả cho Ph1 200.000 đồng/người. Khoảng 03 ngày sau, người này liên lạc với H1, dẫn H1 đến điểm tập kết trên đường tuần tra biên giới, cặp kênh Cái Cỏ (kênh biên giới) thuộc ấp T, xã Kh, huyện V, tỉnh Long An và yêu cầu H1 chở khách đến điểm này sẽ có người đến nhận để đưa sang Campuchia. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, người nam thông báo cho H1 có xe ô tô chở 05 người khách và cung cấp số điện thoại của tài xế xe ô tô 0786188616 để H1 liên lạc, tiền công do tài xế trả cho H1 là 2.500.000 đồng. Ph1 sử dụng điện thoại di động Nokia sim số 0389833854 để liên lạc với H1 và sử dụng xe mô tô biển số 62D1-106.01 đứng tên ông Nguyễn Hữu Tr1 còn H1 sử dụng xe mô tô biển số 62D1-147.16 đứng tên ông Đoàn Ngọc Phăng để chở 05 người này đến điểm tập kết, H1 trả cho Ph1 400.000 đồng còn lại 2.100.000 đồng H1 giữ. Cách khoảng 01 tuần sau H1 và Ph1 cũng đưa trót lọt 05 người khách sang Campuchia như cách thức nêu trên, tổng cộng 02 lần Ph1 nhận số tiền 800.000 đồng, H1 nhận số tiền 4.200.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Tuấn H1, Nguyễn Văn Ph1 phạm tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép", áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 348, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo H1 từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù, bị cáo Ph1 từ 03 năm 03 tháng đến 04 năm 03 tháng tù.

Về vật chứng của vụ án đề nghị áp dụng điểm a, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự: tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước các tài sản: 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen, số IMEI 357698100071950, bên trong có gắn 01 (một) sim điện thoại số 0389833854; tiền thu lợi bất chính 5.000.000 đồng trong đó, bị cáo H1 là 4.200.000 đồng, bị cáo Ph1 là 800.000 đồng.

- Ý kiến của bị cáo: Bị cáo H1 và Ph1 thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, các bị cáo cho rằng hoàn cảnh khó khăn, trong mùa dịch không có việc làm, các bị cáo muốn có thu nhập chi tiêu trong gia đình và được người khác hứa hẹn chỉ bị phạt hành chính nên các bị cáo mới phạm tội. Các bị cáo xác định các lần đưa người xuất cảnh trái phép đều do người nam không rõ lai lịch và tài xế xe ô tô liên lạc qua điện thoại với bị cáo H1 để trao đổi, đón người cần xuất cảnh, bị cáo H1 nhận tiền từ tài xế xe ô tô, ngoài ra các bị cáo không biết thêm thông tin gì khác về những người này. Quá trình điều tra, truy tố và đến phiên tòa xét xử các bị cáo tự nguyện khai báo, không bị ép cung nhục hình, cáo trạng truy tố các bị cáo về các hành vi như trên là không oan.

- Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Ng1 khai trong biên bản ghi lời khai: Xe mô tô biển số 62D1-147.16 đứng tên ông Đoàn Ngọc Ph là do bà mua lại của ông Ph năm 2022 nhưng chưa làm thủ tục sang tên, xe này là phương tiện duy nhất để phục vụ việc đi lại trong gia đình và phục vụ nhiều cho việc đi khám chữa bệnh của bà. Bà hoàn toàn không biết gì về việc ông H1 chở người xuất cảnh trái phép sang Campuchia.

Bà Nguyễn Thị H2 khai trong biên bản ghi lời khai: Xe mô tô biển số 62D1-106.01 đứng tên ông Nguyễn Hữu Tr1 là xe của bà mua vào năm 2016, do bị mất giấy chứng minh nhân dân nên bà có nhờ ông Tr1 đứng tên đăng ký xe dùm. Bà hoàn toàn không biết gì về việc ông Ph1 sử dụng xe của bà chở người xuất cảnh trái phép sang Campuchia.

Ông Nguyễn Hữu Tr1 khai trong biên bản ghi lời khai: Xe mô tô biển số 62D1 10601 đứng tên ông là do ông có quen biết với vợ chồng bà H2, ông Ph1 nên bà H2 có nhờ ông đứng tên mua xe dùm vì bà H2 không đủ giấy tờ, ông xác định xe này của bà H2, ông không biết gì về việc các bị cáo chở người xuất cảnh trái phép sang Campuchia, ông không có yêu cầu gì trong vụ án.

- Người làm chứng khai trong bản tự khai và biên bản ghi lời khai: Nguyễn Vũ Nhân Th1, Lê Khả V1, Ngô Thanh Nh2, Thào Seo V2 khai: Thông qua mạng xã hội một số đối tượng sử dụng nick Facebook, Zalo tên "An An", "Trong Ka Tkai Bình", "Đỗ Hiền" giới thiệu sang Campuchia làm việc lương cao và được lo toàn bộ chi phí. Riêng Thào Seo V2 có nhu cầu bán thận lên mạng xã hội Facebook tên "NguyenHieu" giới thiệu sang Bệnh viện Campuchia bán 01 quả thận giá 550.000.000 đồng và lo toàn bộ chi phí đi lại, khi được xe đưa từ Thành phố Hồ Chí Minh về đến nhà Nguyễn Văn Ph1 thì bị lực lượng chức năng bắt giữ.

- Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo H1: Thống nhất với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã áp dụng với bị cáo H1. Trong quá trình tiến hành tố tụng của các cơ quan tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật, luận tội của Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng người đúng tội, đúng phạt luật, bị cáo phạm tội thuộc khung hình phạt từ 05 đến 10 năm tù, việc Viện kiểm sát đề nghị áp dụng hình phạt như trên đối với bị cáo H1 là đã xem xét toàn diện, đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh của bị cáo H1 là hộ cận nghèo, 02 con còn nhỏ, vợ bị bại liệt, bị cáo phạm tội chỉ vì muốn kiếm tiền để lo cho gia đình chứ không có động cơ, mục đích khác, xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Viện Kiểm sát. Đồng thời đề nghị cho bị cáo H1 được miễn nộp án phí.

Thực hiện quyền được nói lời sau cùng các bị cáo nói: Bị cáo H1 xin được giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Ph1 xin xử nhẹ để về lo cho vợ và các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến H2nh tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tố tụng: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin vắng mặt, những người làm chứng đã được tống đạt giấy báo phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử xét thấy hồ sơ vụ án đã có đầy đủ tài liệu chứng cứ có liên quan và xét việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ vào Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[3] Về H2nh vi phạm tội: Bị cáo H1 và bị cáo Ph1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố các bị cáo, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường và lời khai của người làm chứng, kết quả kiểm tra điện thoại và xác minh cuộc gọi đi, gọi đến của bị cáo H1, bị cáo Ph1 từ đầu tháng 5/2022 đến khi bị bắt thể hiện từ các số điện thoại của bị cáo H1 có nhiều cuộc gọi đi, gọi đến các số điện thoại 0786188616, 0708706672 và số của bị cáo Ph1 0389833854. Cụ thể các lần phạm tội: Cuối tháng 5 năm 2022, H1 đã cung cấp 02 số điện thoại là 0818493887 và 0784601195 cho một người nam (không rõ lại lịch) sử dụng số điện thoại 0708706672 để liên lạc chở người xuất cảnh trái phép sang Campuchia, đoạn từ nhà H1 thuộc ấp T, xã Kh đến đường tuần tra biên giới, cách khoảng 01km, theo đường mòn xuống kênh Cái Cỏ để qua Campuchia, với tiền công 500.000đồng/người; bị cáo H1 rủ thêm bị cáo Ph1 và trả tiền cho bị cáo Ph1 200.000 đồng/01 người; tổng cộng bị cáo H1 và Ph1 đã tổ chức đưa người xuất cảnh trái phép sang Campuchia trót lọt 02 lần (mỗi lần 05 người) đến lần thứ 03 là ngày 24/6/2022 khi đang đón 04 người chuẩn bị đưa sang Campuchia thì bị lực lượng chức năng bắt giữ; tiền thu lợi bất chính của bị cáo H1 là 4.200.000 đồng, bị cáo Ph1 là 800.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép" theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

[4] Đây là vụ án đồng phạm nhưng còn ở mức độ giản đơn. Các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tổ chức đưa người đi sang Campuchia mà không được phép của các cơ quan có thẩm quyền là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh và cư trú, gây mất trật tự, an ninh biên giới. Do đó cần có hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để giáo dục răn đe các bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Trong vụ án này, bị cáo H1 và bị cáo Ph1 đều trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, trong đó bị cáo H1 còn là

người trực tiếp trao đổi thông tin, liên lạc nhận người để cùng bị cáo Ph1 thực hiện hành vi đưa người xuất cảnh trái phép nên bị cáo H1 phải chịu hình phạt nghiêm khắc hơn bị cáo Ph1.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tự khai nhận các hành vi phạm tội trước đó, tự nguyện nộp lại tiền thu lợi bất chính, đồng thời các bị cáo được chính quyền địa phương xác nhận có hoàn cảnh khó khăn, trong đó bị cáo H1 là lao động chính trong gia đình, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Xét thấy, các bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, các bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này chưa có tiền án, tiền sự nên xem xét áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, là thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 348 Bộ luật Hình sự: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Do đó, các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thể hiện các bị cáo không có tài sản, thu nhập từ công việc làm thuê, không ổn định, sinh sống tại xã vùng biên giới điều kiện hoàn cảnh gia đình hiện tại khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử khẳng định Cáo trạng số 20/CT-VKSLA-P2 ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đã truy tố bị cáo Trần Tuấn H1, bị cáo Nguyễn Văn Ph1 về tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép" theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với các bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo H1 thống nhất với bản luận tội của Viện kiểm sát nên cũng được chấp nhận.

[5] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen, số IMEI 357698100071950, bên trong có gắn 01 (một) sim điện thoại số 0389833854 bị cáo Ph1 dùng để liên lạc để trao đổi thông tin khi thực hiện hành vi phạm tội, đây là công cụ, phương tiện phạm tội; và số tiền 5.000.000 đồng mà các bị cáo đã giao nộp, đây là tiền thu lợi bất chính nên cần tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Đối với xe mô tô biển số 62D1-106.01 đứng tên ông Nguyễn Hữu Tr1 là tài sản riêng của bà H2 nên cơ quan điều tra không thu giữ, còn xe mô tô biển số 62D1-147.16 đứng tên ông Đoàn Ngọc Ph do bà Ng1 mua cơ quan điều tra đã giao trả cho bà Ng1, bà Ng1 và bà H2 cũng không biết các bị cáo sử dụng xe của mình để thực hiện hành vi phạm tội; điện thoại di động có gắn 02 sim số 0818493887 và 0784601195 bị cáo H1 sử dụng liên lạc trong quá trình phạm tội, bị cáo H1 đã bỏ mất không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét các tài sản này.

[6] Đối với Nguyễn Vũ Nhân Th1, Lê Khả V1, Ngô Thanh Nh2, qua xác minh các đối tượng này chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xuất cảnh, nhập cảnh trái phép nên Đồn biên phòng Bến Phố đã xử phạt vi phạm hành chính, còn Thào Seo V2 thì chưa đủ 16 tuổi nên không xử phạt.

[7] Đối với tài xế xe sử dụng số điện thoại 0786188616 và đối tượng đã liên lạc với bị cáo H1 bằng số điện thoại 0708706672 để tổ chức đưa người xuất cảnh trái phép, không rõ thông tin về nhân thân, lai lịch nên không đủ cơ sở để xác minh, làm rõ. Còn các số điện thoại nêu trên thì kết quả xác minh thể hiện sim điện thoại trên đăng ký tên bà Dương Thị H3 và Nguyễn Thị Kim O1 nhưng bà O1 và bà H3 xác định không đăng ký và không sử dụng sim điện thoại trên và cũng không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh bà O1 và bà H3 có liên quan đến vụ án, vì vậy không có cơ sở để xác định bà O1, bà H3 có liên quan đến vụ án.

[8] Đối với đối tượng sử dụng nick Facebook, Zalo tên "An An", "Trong Ka Tkai Bình", "Đỗ Hiền" "NguyenHieu" không rõ thông tin về nhân thân, lai lịch. Cơ quan công an không đủ cơ sở xác minh, làm rõ nên không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo Ph1 không thuộc trường hợp được miễn giảm án phí nên bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với bị cáo H1 thuộc hộ cận nghèo nên theo quy định tại điều 12, 14, 15 và 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 348, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 106, Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các điều 12, 14, 15 và 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên bố: Bị cáo Trần Tuấn H1 và bị cáo Nguyễn Văn Ph1 phạm tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép";

Xử phạt bị cáo Trần Tuấn H1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian tù được tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ph1 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời gian tù được tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Về vật chứng: Tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen, số IMEI 357698100071950, bên trong có gắn 01 (một) sim điện thoại số 0389833854.

Các vật chứng nêu trên hiện đang do Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Vĩnh Hưng đang quản lý.

Về án phí:

Bị cáo Trần Tuấn H1 được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn Ph1 phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo Trần Tuấn H1, Nguyễn Văn Ph1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị Ng1, ông Nguyễn Hữu Tr1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- VKSND, CCTHADS, Công an/H;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: HS, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Liễu